TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh L, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26/4/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024;

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1995; HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn A, B, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang lao động tại Đài Loan, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn A, B, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thi N trình bày*:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Tuấn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 31 tháng 7 năm 2015 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng ở xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 03 năm đến khoảng cuối năm 2018 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do giữa hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Đến đầu năm 2019, chị

P đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được. Vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, chị P xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Thi Kim L1, sinh ngày 09/5/2017, chị P đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Nguyễn Tuấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Tuấn T trình bày cơ bản thống nhất với chị P về quá trình kết hôn, chung sống. Anh T khẳng định vợ chồng anh kết hôn song thời gian sống chung với nhau rất ít do cả hai cùng đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài trong khoảng thời gian xuất khẩu lệch nhau, nếu có cùng thời gian thì cũng ở hai tỉnh khác nhau. Đến năm 2018, khi anh T bị bệnh phải chữa trị rất tốn kém, khiến kinh tế gia đình đi xuống nên vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại, chị P đề nghị ly hôn anh T cũng thống nhất ly đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Anh T thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thi Kim L1, sinh ngày 09/5/2017 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Về tài sản: Anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt anh.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 55; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

+ Về tình cảm: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị P** và anh **Nguyễn Tuấn T**.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Thị Kim L1** sinh ngày 09/5/2017, giao con chung cho anh **Nguyễn Tuấn T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi trưởng thành. Chị **Lê Thị P** cấp dưỡng nuôi con chung 1.800.000 đồng/tháng, có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

+ Về án phí: Chị **Lê Thị P** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định; anh **Nguyễn Tuấn T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Tuấn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị P đang lao động tự do tại Đài Loan theo xác nhận tại Công văn số 429/PA08-DD1, ngày 07/5/2024 của Phòng PA 08, Công an tỉnh H nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên chị P và anh T yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử. Chị Lê Thị P đã ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1973) thực hiện việc giao, nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án; Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Lê Thị P và anh Nguyễn Tuấn T theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Tuấn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù về lý do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chị P và anh T có trình bày khác nhau, tuy nhiên, cả hai bên đều khẳng định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị P và anh T đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, các đương sự đều thống nhất ý chí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, việc duy trì hôn nhân giữa chị P và anh T là không có ý nghĩa, nên HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị Lê Thị P và anh Nguyễn Tuấn T được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55, 123 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét thấy, chị Lê Thị P, anh Nguyễn Tuấn T đều thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 09/5/2017 cho anh Nguyễn Tuấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Thị Kim L1 cũng có nguyện vọng được ở với bố là Nguyễn Tuấn T. Hơn nữa, hiện tại, chị P cũng không

có mặt tại Việt Nam không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và từ khi chị P đi xuất khẩu lao động nước ngoài đến nay, cháu L1 ở với anh T. Để đảm bảo điều kiện sinh sống ổn định và phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu L1, HĐXX xét thấy cần thiết chấp nhận sự thỏa thuận thống nhất của các đương sự, giao con chung Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 09/5/2017 cho anh Nguyễn Tuấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung: Xét yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Tuấn T là phù hợp các quy định của pháp luật, hơn nữa để đảm bảo trách nhiệm của người mẹ trong việc nuôi dưỡng con chung, HĐXX xét thấy cần buộc chị P phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về mức cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tuấn T yêu cầu chị Lê Thị P cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, tuy nhiên căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì "Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Từ ngày 01/7/2024, lương tối thiểu vùng tại huyện V là 3.445.000 đồng/tháng, vì vậy cần buộc chị Lê Thị P cấp dưỡng nuôi con chung 1.800.000 đồng/tháng là phù hợp.

[2.3] *Về tài sản chung*: Xét ý chí cả hai đương sự đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 55; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị P** và anh **Nguyễn Tuấn T**.

2. Về con chung: Công nhận sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự giao con chung Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 09/5/2017 cho anh Nguyễn Tuấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lê Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.800.000đ kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thi P tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phi cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định. Tính trừ cho chị P trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000859, ngày 25/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị P còn phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm nghìn đồng*) tiền án phi cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Giang, huyện Vũ Quang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu